ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH
Thực hiện Chiến lược phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông lâm thủy sản tỉnh Trà Vinh đến năm 2030

(Kèm theo Quyết định số 1364/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Triển khai thực hiện có hiệu quả Chiến lược phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông lâm thủy sản tỉnh Trà Vinh đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 858/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Yêu cầu

a) Phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông, lâm, thủy sản (sau đây viết tắt là nông sản) theo hướng cơ giới hóa đồng bộ, theo chuỗi liên kết sản xuất với chế biến, tiêu thụ sản phẩm. Đẩy mạnh sử dụng máy móc, thiết bị, công nghệ tiên tiến, công nghệ số, công nghệ thông minh vào các khâu sản xuất nông nghiệp nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững.

b) Ưu tiên phát triển doanh nghiệp chế biến nông sản quy mô lớn, hiện đại, có trình độ và năng lực công nghệ tiên tiến kết hợp với phát triển các cơ sở sơ chế, bảo quản, chế biến quy mô vừa và nhỏ nhằm tạo sự đồng bộ, gắn kết, lan tỏa theo chuỗi. Đa dạng hóa sản phẩm, tăng tỷ trọng chế biến sâu; đẩy mạnh chế biến các sản phẩm nông sản chủ lực xuất khẩu và phụ phẩm trong sản xuất nông nghiệp.

c) Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và công nghiệp chế biến nông sản.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

a) Đảm bảo nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường nông nghiệp tại các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung được cơ giới hóa.

b) Đẩy mạnh áp dụng các loại máy, thiết bị, công nghệ trong sản xuất nông nghiệp, nâng cao mức độ cơ giới hóa các khâu trong sản xuất nông nghiệp, tiến đến cơ giới hóa đồng bộ và tự động hóa.

c) Phát triển chế biến nông sản hiện đại, hiệu quả và bền vững, đáp ứng được nhu cầu, quy định của thị trường tiêu thụ.

d) Thúc đẩy, khuyến khích đầu tư cơ sở chế biến, bảo quản và tiêu thụ các nông sản truyền thống của tỉnh (sản phẩm đặc sản địa phương) nhằm phát huy lợi thế

của từng địa phương, tạo việc làm, tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo, phát triển sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Cơ giới hóa nông nghiệp đối với từng lĩnh vực sản xuất

- Trồng trọt: Sản xuất cây trồng chủ lực có áp dụng cơ giới hóa đạt trên 90% năm 2025, cơ giới hóa đồng bộ đạt trên 50% năm 2030;

- Chăn nuôi: Sản xuất chăn nuôi gia súc, gia cầm có áp dụng cơ giới hóa đạt trên 80% năm 2025, cơ giới hóa đồng bộ đạt trên 30% năm 2030;

- Thủy sản: Cơ giới hóa sản xuất nuôi trồng thủy sản đạt trên 70% năm 2025, đạt trên 90% năm 2030; đánh bắt, bảo quản trên tàu cá đạt 85% năm 2025 đạt trên 90% năm 2030.

- Lâm nghiệp: Các khâu làm đất, giống, trồng cây, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh, phòng chống cháy rừng, khai thác vận chuyển gỗ và lâm sản đạt trên 30% năm 2025, đạt trên 50% năm 2030.

b) Phát triển chế biến, bảo quản nông sản

- Tốc độ tăng giá trị gia tăng công nghiệp chế biến nông sản đạt trên 8%/năm vào năm 2025 và 10%/năm vào năm 2030.

- Trên 70% số cơ sở chế biến, bảo quản nông sản chủ lực đạt trình độ và năng lực công nghệ trung bình tiên tiến trở lên.

- Tổn thất sau thu hoạch các nông sản chủ lực giảm từ 0,5% đến 1 %/năm.

- Tỷ trọng giá trị xuất khẩu nông sản chủ lực đạt 50% là sản phẩm chế biến.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN 2045

1. Cơ giới hóa nông nghiệp

a) Phát triển cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp, ứng dụng công nghệ hiện đại, công nghệ thông minh, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và bảo vệ môi trường phù hợp với quy mô, trình độ sản xuất, lợi thế từng ngành hàng, vùng sản xuất nông nghiệp với các tổ chức sản xuất có quy mô lớn theo chuỗi giá trị nông sản.

b) Khuyến khích phát triển các tổ chức, trung tâm cơ giới hóa nông nghiệp tại địa phương về chế tạo, cung cấp máy, thiết bị, công nghệ, dịch vụ cơ giới hóa nông nghiệp, công nghiệp hỗ trợ, chuyển giao khoa học công nghệ, các ý tưởng đổi mới, sáng tạo để phát triển cơ giới hóa vào sản xuất nông nghiệp.

2. Phát triển chế biến, bảo quản nông sản

a) Sử dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ thân thiện với môi trường, hiện đại hóa trang thiết bị bảo quản, chế biến nông sản để đa dạng hóa sản phẩm chế biến, giảm tổn thất sau thu hoạch, hạ giá thành; tăng cường chế biến sâu tạo ra giá trị gia tăng cao, tăng khả năng cạnh tranh nông sản; kiểm soát được chất lượng, an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

b) Khuyến khích đầu tư mới và mở rộng cơ sở chế biến, bảo quản đảm bảo đủ năng lực chế biến, bảo quản đối với những ngành hàng chủ lực, gắn với vùng sản xuất nguyên liệu tập trung.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Rà soát, bổ sung hoàn thiện cơ chế, chính sách

a) Rà soát, bổ sung hoàn thiện các cơ chế, chính sách phù hợp với địa phương về cơ điện nông nghiệp, các quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật, nghiên cứu hoàn thiện quy định để quản lý về cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông lâm thủy sản.

b) Áp dụng hệ thống quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia về máy, thiết bị, công nghệ phục vụ sản xuất nông nghiệp, năng lực chế biến và sản phẩm nông sản chế biến; hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia về truy xuất nguồn gốc cho các ngành hàng nông sản.

c) Triển khai các chính sách về phát triển hợp tác xã ưu tiên hỗ trợ hình thành và phát triển các tổ chức cung cấp dịch vụ cơ giới hóa ở nông thôn, tăng tỷ lệ áp dụng cơ giới hóa trong hoạt động nông lâm thủy sản.

d) Đẩy mạnh triển khai các chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và các chính sách tín dụng hỗ trợ để phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông sản, phát triển các mô hình trung tâm, cụm liên kết sản xuất - chế biến, bảo quản - tiêu thụ nông sản gắn với các vùng nguyên liệu tập trung. Rà soát, đề xuất sửa đổi chính sách ưu đãi về thuế đối với lĩnh vực chế biến nông sản và máy móc, thiết bị, công nghệ phục vụ nông nghiệp.

2. Phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn và tổ chức sản xuất nông nghiệp

a) Tổ chức lại các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung theo định hướng phát triển sản phẩm chủ lực của tỉnh được cơ giới hóa đồng bộ, phù hợp với lợi thế của từng vùng, đảm bảo cung cấp đủ nguồn nguyên liệu và kết nối với các doanh nghiệp chế biến và tiêu thụ nông sản.

b) Đổi mới, phát triển các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp theo hướng nâng cao năng lực và vai trò của các tổ chức hợp tác của nông dân, đẩy mạnh tập trung đất đai, tăng quy mô tạo điều kiện thuận lợi áp dụng cơ giới hóa và phát triển chế biến nông sản; phát triển các tổ chức hợp tác, trung tâm nghiên cứu, chuyển giao khoa học, công nghệ và kinh doanh dịch vụ cơ giới nông nghiệp; đẩy mạnh hợp tác, liên kết trong sản xuất, chế biến tiêu thụ nông sản, trong đó doanh nghiệp giữ vai trò là "trụ cột" của chuỗi giá trị.

c) Phát triển các cụm liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ nông sản được cơ giới hóa đồng bộ tại các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung; chú trọng phát triển các doanh nghiệp chế biến, bảo quản có đủ năng lực về vốn, công nghệ và thị trường tiêu thụ để dẫn dắt chuỗi giá trị nông sản, vận hành một cách thông suốt, hiệu quả; khuyến khích phát triển các cụm liên kết làm động lực của các vùng.

3. Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ

a) Tăng cường đầu tư cho khoa học và công nghệ phục vụ phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông sản.

b) Đẩy mạnh xã hội hóa công tác nghiên cứu khoa học công nghệ, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật vào đầu tư phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông sản.

4. Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Tập huấn và bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ quản lý trong lĩnh vực cơ điện nông nghiệp và chế biến nông sản về khoa học công nghệ, kỹ năng thương mại, phát triển thị trường. Khuyến khích các doanh nghiệp chủ động đào tạo nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ kỹ thuật, công nhân lành nghề đáp ứng yêu cầu vận hành công nghệ tiên tiến, hiện đại.

5. Hợp tác và hội nhập kinh tế quốc tế

Tăng cường chia sẻ thông tin, trao đổi kinh nghiệm, ứng dụng và chuyển giao công nghệ tiên tiến với các quốc gia, tổ chức quốc tế, các chuyên gia có kinh nghiệm trong lĩnh vực cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông sản.

Triển khai thực hiện các nội dung thỏa thuận về lĩnh vực nông nghiệp của các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã ký kết tăng cường áp dụng quy trình công nghệ, hệ thống quản trị tiên tiến và hiện đại của thế giới nhằm đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ và năng lực trong cơ giới hóa và chế biến nông sản phù hợp với điều kiện trong tỉnh.

6. Về huy động nguồn lực

Ưu tiên nguồn lực từ ngân sách nhà nước, vốn doanh nghiệp, tài trợ quốc tế và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định pháp luật.

Đẩy mạnh việc huy động các nguồn lực tài chính từ các tổ chức, cá nhân, các doanh nghiệp trong và ngoài nước tham gia thực hiện Chiến lược theo quy định pháp luật; lồng ghép trong các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác có liên quan.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện các nội dung Kế hoạch này; chủ động lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch với các chương trình, đề án, dự án có liên quan do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, quản lý thực hiện;

b) Phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan tham mưu xây dựng, thực hiện các chương trình, dự án đầu tư cơ giới hóa đồng bộ tại các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, ưu tiên đối với các sản phẩm chủ lực, sản xuất theo chuỗi giá trị nông sản.

d) Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch và hàng năm (trước ngày 15 tháng 12 hoặc đột xuất khi có yêu cầu của cơ quan Trung

ương), tổng hợp, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn) và Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện và tổ chức sơ kết, tổng kết tình hình thực hiện Kế hoạch theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiên cứu lồng ghép cơ chế, chính sách mới khuyến khích doanh nghiệp vừa và nhỏ, hợp tác xã đầu tư cơ sở chế biến, bảo quản phát triển sản phẩm chế biến đặc sản của địa phương, kết nối với chương trình *Mỗi xã một sản phẩm (OCOP)* trong xây dựng nông thôn mới.

b) Phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị liên quan tham mưu bố trí ngân sách hàng năm (nếu có) để hỗ trợ xây dựng hạ tầng sản xuất phục vụ cơ giới hóa nông nghiệp và nâng cao năng lực chế biến nông lâm thủy sản theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

3. Sở Tài chính

Trên cơ sở đề xuất của các đơn vị có liên quan trong Kế hoạch và khả năng cân đối ngân sách tỉnh, tham mưu, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí (vốn sự nghiệp) thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và theo phân cấp ngân sách.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tạo điều kiện thuận lợi để hộ nông dân, hợp tác xã, tổ hợp tác và doanh nghiệp tiếp cận đất đai, hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, tập trung, ứng dụng cơ giới hóa nông nghiệp và phát triển chế biến nông sản.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ban, ngành có liên quan nghiên cứu, chuyển giao các giải pháp ứng dụng, tiến bộ khoa học công nghệ mới về lĩnh vực chế biến, bảo quản nông sản và cơ giới hóa nông nghiệp. Ưu tiên thực hiện các đề tài, dự án, chuyển giao kỹ thuật công nghệ ngành chế biến và cơ khí nông nghiệp.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu; chỉ dẫn địa lý; truy xuất nguồn gốc cho các sản phẩm chế biến đặc sản địa phương.

c) Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ trong chế biến nông sản đặc sản của tỉnh để tạo ra các sản phẩm chất lượng đáp ứng thị trường trong nước và hướng tới xuất khẩu.

d) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan xây dựng, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật địa phương và tiêu chuẩn cơ sở cho các sản phẩm nông sản chế biến đặc sản địa phương quy mô vừa và nhỏ.

6. Sở Công Thương

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan triển khai thực hiện lồng ghép các chương trình, kế hoạch, dự án,… có liên quan thực hiện mục tiêu Kế hoạch này; hỗ trợ phát triển thị trường tiêu thụ; hỗ trợ tư vấn xây dựng đăng ký nhãn hiệu; hỗ trợ xúc tiến thương mại cho các sản phẩm chế biến nông sản.

b) Xây dựng và tổ chức chương trình xúc tiến thương mại cho các sản phẩm cơ khí nông nghiệp và sản phẩm chế biến nông sản; hỗ trợ các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất theo chương trình khuyến công quốc gia và địa phương trong đầu tư máy móc, thiết bị mở rộng sản xuất kinh doanh lĩnh vực cơ giới hóa nông nghiệp và công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản.

7. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan, đơn vị có liên quan lập kế hoạch, nội dung đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sản xuất nông nghiệp; trong đó có nhân lực cho lĩnh vực chế biến, bảo quản nông lâm thủy sản và cơ giới hóa nông nghiệp. Đề xuất các chính sách hỗ trợ nâng cao chất lượng nguồn lực lao động và năng lực quản lý về cơ giới hóa nông nghiệp và bảo quản, chế biến nông sản.

8. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh Trà Vinh

Chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh tập trung nguồn vốn đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; tăng cường phối hợp với doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân nhằm tháo gỡ khó khăn vướng mắc, tạo thuận lợi trong tiếp cận nguồn vốn tín dụng đặc biệt là các dự án đầu tư vào cơ giới hóa phục vụ nông nghiệp và chế biến nông sản.

9. Các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan

Theo chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý nhà nước được giao phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thực hiện có hiệu quả các nội dung liên quan trong Kế hoạch.

10. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố

Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch này hoặc lồng ghép các nội dung của Kế hoạch vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và phối hợp thực hiện các nhiệm vụ của các sở, ban, ngành có liên quan thực hiện ở địa phương.

11. Chế độ báo cáo

Định kỳ trước ngày 01 tháng 12 hàng năm, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các cơ quan, đơn vị có liên quan gửi báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch này về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn) và Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Trong tổ chức thực hiện, nếu phát sinh các nhiệm vụ mới hoặc cần sửa đổi, bổ sung Kế hoạch, các sở, ban, ngành địa phương có liên quan báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.